

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 5 - 2018

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thanh.

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 147/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp A, xã CS, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp A, xã CS, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2009. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh T không lo làm ăn và cũng không có trách nhiệm với gia đình, mâu thuẫn này phát sinh từ năm 2015 kéo dài đến nay. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2017 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 18/4/2005. Hiện nay, cháu Ph đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cũng theo nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng, cho đến khi cháu Ph trưởng thành và lao động được.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T là có căn cứ. Bởi mâu thuẫn vợ chồng của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Ph cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Ph là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi con trưởng thành và lao động được; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung không hạnh phúc do mâu thuẫn về tiền bạc và anh T không có lo cho gia đình. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có ý kiến về vấn đề này. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị H và anh T ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị H được quyền ly hôn với anh T là phù hợp tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 18/4/2005, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động được. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Ph do chị H trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, đồng thời có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn nên cần tôn trọng nguyện vọng của cháu. Do đó, cần giao cháu Ph cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng so với đơn khởi kiện chị yêu cầu cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con của chị H là tự nguyện phù hợp với pháp luật và không vượt quá khởi kiện ban đầu. Đồng thời vẫn đảm bảo chi phí học tập cho cháu Ph nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh Ph - sinh ngày 18/4/2006 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Buộc anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ph trưởng thành và có khả năng lao động được.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 15421 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, như vậy chị đã nộp xong.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã CS, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Phan Minh Trâm